TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2018
V/v: " Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Xuân Trường;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017; Về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1992 (Có mặt);

- Nơi ĐKHTT: Xóm T T, thôn Tr H, xã M Tr, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- Địa chỉ hiện nay: Thôn N Q, xã M Tr, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1991(Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm T T, thôn Tr H, xã M Tr, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2017, bản tự khai ngày 19/7/2017 và biên bản hòa giải ngày 27/12/2017 tại Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang (BL 01; 02; 18; 25), chị Nguyễn Thị H trình bày trình bày:

1- Về quan hệ Hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn, theo chứng nhận kết hôn số 35/2015, quyển số 01/2014 vào ngày 25 tháng 3 năm 2015 tại Uỷ ban nhân dân xã M Tr, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn Chị về chung sống cùng anh T được một thời gian thì Chị nhận ra tình cảm vợ chồng dành cho nhau không như

thời gian đầu, tình cảm vợ chồng không hòa hợp và không hiểu nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm nên dẫn đến cãi nhau, nguyên nhân là anh T luôn nghe mẹ hay đánh mắng Chị, anh T mải chơi bời cờ bạc, quán xá. Anh T và Mẹ đẻ thường xuyên yêu cầu Chị về vấn đề tiền bạc. Tháng 9/2016 Chị đã bỏ về chung sống cùng bố mẹ đẻ kể từ đó cho đến nay, thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 27 tháng 12 năm 2017 (BL 19; 25). Anh Nguyễn Văn T có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn như chị H đã khai ở trên là đúng. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, Sau hơn 01 năm chung sống cùng nhau thì sảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, Anh muốn chị H nghỉ làm Công ty và ở nhà nuôi con, nhưng chị H không đồng ý, số tiền thanh toán bảo hiểm về chế độ nghỉ đẻ, chị H không mang về đưa cho Anh và nói đã chi tiêu hết, sau đó hai bên sảy ra mâu thuẫn. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ ngày 01/7/2016 cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và con còn nhỏ, Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Chị H, anh T đều xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D - sinh ngày 06/1/2016, hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh T. Ly hôn chị H, anh T đều có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng D.

Chị H cho trình bày: Khi Chị bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, do anh T và bố mẹ không cho Chị mang con đi theo, Ly hôn Chị xin được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung , Chị yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng Chị mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T xin tiếp tục được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung , Anh không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng Anh.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Ly hôn Chị có ý kiến xin được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng D. Chị không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho cùng Chị.

Tại phiên tòa do bị đơn vắng mặt, nên các đương sự không có ý kiến để thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và phát biểu về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử.

+ Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi vợ chồng chung sống cùng nhau được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không có quan điểm chung về tình cảm và công việc, không tin tưởng nhau về kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên, kéo dài một thời gian. Vì vậy chị H đã phải bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy mục đích hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, cũng như lời khai có trong hồ sơ vụ án. Ý kiến của chính quyền địa phương nơi chị H và anh T sinh sống, thì nguyên nhân vợ chồng chị H và anh T hay sảy ra mâu thuẫn cãi nhau, do bất đồng về tình cảm và không tin tưởng nhau về kinh tế. Do vậy vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau, chị H đã bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống tháng 7 năm 2016 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Chị H và anh T đã sống ly thân một thời gian dài, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng vợ chồng không thỏa thuận được việc về đoàn tụ. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và giải quyết con chung.

Anh Nguyễn Văn T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và vì con còn nhỏ, Anh không đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị H, nhưng anh T không đưa ra được căn cứ để chứng minh mục đích hôn nhân của vợ chồng vẫn đạt được, tình cảm của vợ chồng vẫn còn và vẫn quan tâm đến nhau.

Vì vậy việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với qui định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 06/01/2016, hiện nay cháu D đang sinh sống cùng anh T. Ly hôn chị H, anh T đều có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. chị H, anh T không thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Chị H cho rằng khi Chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ, con chung còn nhỏ, nhưng anh T và bố mẹ ngăn cản không cho Chị đem con theo cùng để nuôi dưỡng, nay Chị vẫn giữa nguyên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, Chị đang làm công nhân tại Công ty Sam Sung ở huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh có thu nhập ổn định hàng tháng từ 7.000.000đồng đến 10.000.000đồng (Có xác nhận thu nhập của Chị gửi cho Tòa án), hiện nay chị H đang sinh sống cùng bố mẹ, có nhà cửa và bố mẹ có

thời gian trông nom con để Chị đi làm. Do con chung là cháu Nguyễn Hoàng D đến ngày xét xử mới được 02 năm 02 tháng 21 ngày. Căn cứ quy định tại Khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và giao con chung là Nguyễn Hoàng D cho chị H trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con. Do tại phiên tòa chị H rút yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Chị H, anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ ánmà Kiểm sát viên có ý kiến: Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và đảm bảo đúng qui định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

+ □p dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2 - Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng D – sinh ngày 06/01/2016; Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Trường hợp sau này người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có yêu cầu về thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, khi có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh Nguyễn Văn T đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3 - Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001934 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Chị H đã nộp đủ tiền án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án , hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a, 7 b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- UBND xã M Tr;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Công Hoan